TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **T PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 135/2022/HS-ST Ngày: 09/9/2022	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – T PHỐ HÀ NỘI

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thành

2. Ông Trần Văn Vinh

Thư ký phiên toà:Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Anh Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2022/HSST ngày 12/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST - HS ngày 26/8/2022 đối với bị cáo:

TRẦN TRỌNG T, sinh năm 2000; ĐKHK và ở tại: thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tự do; Văn hoá: 12/12; con ông Trần Trọng T; con bà Trần Thị Thủy; Danh chỉ bản: 000000183, lập ngày 25/4/2022, Công an huyện T; **Tiền án, tiền sự:** không; Vụ án này, bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam ngày 17/4/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an T phố Hà Nội; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**/Người bị hại:*

- Đối với tội "Trộm cắp tài sản":

1. Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 2000; HKTT: Nhân Thịnh, Lý Nhân, Hà Nam; Trú tại: Số 41, ngõ 147, T, T, T, Hà Nội. (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 2000; HKTT: Khu 8, phường Trần Hưng Đạo, Thị xã Đông Triều, Quảng Ninh; Trú tại: Số 41, ngõ 147, T, T, T, Hà Nội. (có mặt)

- Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản": Anh Trần Minh Q, sinh năm 2000; HKTT: An Ninh, Bình Lục, Hà Nam; Trú tại: Số 7/40, ngõ 79, đường Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. (có mặt)

**/Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn A, sinh năm 2001; HKTT: An Ninh, Bình Lục, Hà Nam; Trú tại: Ngách 40, ngõ 79, đường Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. (vắng mặt)

2. Ông Trần Trọng T, sinh năm 1970 (bố bị cáo); HKTT và chỗ ở: Thôn An Thuận, xã An Ninh, huyện Bình Lục, Hà Nam. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; HKTT: Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định; Trú tại: Số 186, T, T, T, Hà Nội. (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1972; HKTT: Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định; Trú tại: Số 123, T, T, T, Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Việt Hưng, anh Nguyễn Trọng Q, anh Nguyễn Hồng Q cùng thuê trọ ở số nhà 41 ngõ 147 T, T, T, Hà Nội. Do là bạn cùng học với các anh Hưng, Trọng Q, Hồng Q nên khoảng 7 giờ 40 phút ngày 13/04/2022, Trần Trọng T đến phòng thuê trọ của anh Hưng, Trọng Q, Hồng Q để ngủ nhờ. Khi T đến thì chỉ có một mình anh Trọng Q đang ở trong phòng. Sau khi nói chuyện khoảng 5 phút thì anh Trọng Q đi làm nên một mình T ngủ trong phòng trọ. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T ngủ dậy, nhìn thấy trong phòng có 01 Laptop nhãn hiệu HP Pavilion của anh Hồng Q đặt trên đệm ở dưới nền nhà và 01 laptop hiệu Dell Latitude màu xám bạc của anh Trọng Q để trên bàn học. Do mọi người đã đi làm không trong có mặt tại phòng trọ nên T đã lấy 02 chiếc laptop trên rồi lấy 01 chiếc balo bằng vải màu xanh đen trên in chữ số 9 màu trắng trong phong trọ bỏ hai chiếc laptop vào mang ra khỏi phòng trọ. Sau đó T mang 02 chiếc Laptop đến số 186 T, T, T, Hà Nội cầm cố cho chị Nguyễn Thị N lấy số tiền 5.000.000 đồng, ăn tiêu hết.

Đến khoảng 12 giờ ngày 14/04/2022, T rủ bạn là Trần Minh Q đến khu vực T, T, T, Hà Nội chơi, tại đây T mượn Q chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của Q để đi cầm cố lấy tiền chuộc laptop T đang cầm cố. T nói với Q khi lấy được laptop thì T sẽ bán laptop đi để chuộc điện thoại lại cho Q, Q đồng ý. T cùng Q đến cửa hàng cầm đồ số 186 T, T, T, Hà Nội cầm cố chiếc điện thoại trên của Q cho chị N với giá 5.000.000 đồng và chuộc lại chiếc laptop nhãn hiệu Dell màu bạc với số tiền 4.000.0000 đồng rồi đi về. Sau đó, T mang chiếc Laptop đi bán nhưng thấy giá chiếc Laptop chỉ bán được 4.000.000 đồng nên không đủ tiền để lấy lại điện thoại cho Q nên T tiếp tục mang chiếc Laptop đi cầm cố cho chị N được số tiền 3.500.000 đồng và ăn tiêu hết. Đến 21 giờ cùng ngày, do cần tiền tiêu xài T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô của Q nên bảo Q lấy xe mô tô chở T đi chuộc chiếc điện thoại về, nhưng xe mô tô của Q hết xăng nên Q đã mượn chiếc mô tô Honda Wave Alpha BKS 90B3-498.38 của anh Trần Văn An là bạn của Q và T đang ở trọ tại Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội để chở T đi lấy điện thoại. Khi Q chở T từ nhà trọ đi được khoảng 2km, T nghĩ cầm cố xe của An không có giấy tờ đăng ký thì không được giá cao nên T giả vờ quên ví tiền ở phòng An với mục đích lấy giấy tờ xe mô tô của An mang đi. T và Q đi về lại phòng của An. Tại đây An đi vệ sinh nên T đã lấy trộm ví của An bên trong có số tiền 100.000 đồng, 01 căn cước công dân và đăng ký xe mô tô của An mang đi. Q và T tiếp tục đi đến quán cầm đồ số 186 T, T, T, Hà Nội. Tại đây, T giả vờ đi vào bên trong rồi quay lại bảo Q cho mượn chiếc xe mô tô trên đi có việc một lúc, Q đồng ý và đưa chìa khóa, T một mình điều khiển chiếc xe mô tô trên đến quán cầm đồ số 123

T, T, T, Hà Nội cầm chiếc xe mô tô trên cho anh Nguyễn Trung T cùng giấy tờ của anh An được 12.000.000 đồng. Sau đó, T bỏ trốn và tắt điện thoại. Sáng ngày 16/4/2022, anh An điện thoại cho T thì T có nói là đã cầm cố chiếc xe máy của An tại 123 T và bảo An tự đi chuộc, khi nào có tiền T sẽ trả. Sau đó T gọi Ship gửi trả lại An chiếc vi da và giấy tờ cầm cố.

Sau khi biết T trộm cắp và mang tài sản của mình đi cầm cố, anh Nguyễn Hồng Q, Nguyễn Trọng Q, Trần Minh Q và Trần Văn An đã liên lạc với T yêu cầu T trả lại tài sản nhưng T không trả và tắt điện thoại. Sau đó, các anh Hồng Q, Trọng Q, Trần Văn An, anh Trần Minh Q đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Đồng thời, anh Hồng Q, Trọng Q, Q và An đã tự đi đến các hiệu cầm đồ để chuộc lại tài sản của mình. Hồng Q chuộc lại chiếc laptop hiệu HP với số tiền 2.500.000 đồng, Trọng Q chuộc lại chiếc laptop hiệu Dell với số tiền 3.500.000 đồng, Q chuộc lại chiếc điện thoại với số tiền 5.500.000 đồng, An chuộc lại chiếc xe mô tô với số tiền 12.300.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh đen bạc BKS: 90B-498.38, 01 đăng ký xe và 01 chiếc ví da màu đen của anh Trần Văn An. Tạm giữ 01 chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu HP màu đỏ, 01 ba lô màu xanh của anh Nguyễn Hồng Q. Tạm giữ 01 chiếc Laptop nhãn hiệu Dell màu xám bạc của anh Nguyễn Trọng Q. Tạm giữ 01 chiếc điện thoại Iphone 11Pro của anh Trần Minh Q. Tạm giữ của anh Nguyễn Trung T 01 giấy biên nhận cầm đồ chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh đen bạc BKS: 90B-498.38.

Ngày 16/4/2022, Trần Trọng T đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với những tài sản T chiếm đoạt. Tại Kết luận định giá số 57/KL-HĐ ĐGTS ngày 20/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

"1. Xe máy nhãn hiệu Honda Wave Apha biển số 90B3-498.38 đã qua sử dụng có giá trị 20.264.900 đồng.

2. Điện thoại di động Iphone 11Pro/256G màu xanh rêu có giá trị 11.800.000 đồng.

3. Laptop nhãn hiệu Dell Latitude E6540/i5 màu xám bạc trị giá 7.900.000 đồng.

4. Laptop nhãn hiệu HP Pavilion Notbook màu đỏ có giá trị: 2.500.000 đồng.

5. Ví da màu đen có giá trị: 100.000 đồng.

6. Ba lô đựng máy tính, không nhãn hiệu màu xanh đen có giá trị: 200.000 đồng.

7. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô: không định giá.".

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với chiếc xe mô tô. Tại kết luận giám định số 2940/KL-KTHS ngày 10/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận: *"xe máy nhãn hiệu Honda Wave đeo biển kiểm soát: 90B498.38 gửi giám định hiện có số khung: RLHJA3921NY002078 và số máy: JA39E-2498763 là số nguyên thủy".*

Quá trình điều tra, Trần Trọng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của T phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra đã thu T được.

Đối với hành vi Trần Trọng T mượn anh Q chiếc điện thoại Iphone 11 Pro có trị giá 11.800.000 đồng để đi cầm cố, do anh Q đồng ý cho T mượn tài sản để mang đi cầm cố nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với hành vi T trộm cắp 01 chiếc ví da màu đen có giá trị 100.000 đồng và số tiền 100.000 đồng của anh Trần Văn An, Cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt hành chính T về hành vi Trộm cắp tài sản.

Đối với chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Trung T kinh doanh cầm đồ có đăng ký, khi nhận cầm cố tài sản của bị cáo, chị N và anh T đều không biết những tài sản trên do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với vật chứng của vụ án, quá trình điều tra xác định 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh đen bạc BKS: 90B-498.38, 01 đăng ký xe và 01 chiếc ví da màu đen là tài sản của anh Trần Văn An; 01 chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu HP màu đỏ, 01 ba lô màu xanh là tài sản của anh Nguyễn Hồng Q; 01 chiếc Laptop nhãn hiệu Dell màu xám bạc là tài sản của anh Nguyễn Trọng Q; 01 chiếc điện thoại Iphone 11Pro là tài sản của anh Trần Minh Q. Cơ quan Điều tra đã trao trả lại toàn bộ những tài sản trên cho người bị hại.

Về dân sự: gia đình Trần Trọng T đã hỗ trợ cho bị cáo để tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Hồng Q số tiền 2.500.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Trọng Q số tiền 3.500.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Văn An số tiền 12.300.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Minh Q số tiền 5.500.000 đồng. Người bị hại là anh Hồng Q, Trọng Q, An, Q đã nhận lại tài sản cùng số tiền đã bỏ ra để chuộc lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T, ngoài ra không có yêu cầu, đề nghị gì khác về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKS-TT ngày 29/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Trần Trọng T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo đã T khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã công bố, thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại đã nhận lại tài sản, được bồi thường nên không có yêu cầu gì về dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Trọng T theo tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản Cáo trạng số 99/CT-VKS-TT ngày 29/6/2022 và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173, khoản 1 Điều 174; điểm b,i,s khoản 1 điều 51; điều 55; điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 13/4/2022, tại phòng trọ số 41 ngõ 147 T, T, T, Hà Nội, Trần Trọng T đã lợi dụng sơ sở khi trong phòng trọ không có người, chiếm đoạt của anh Nguyễn Trọng Q 01 chiếc Laptop nhãn hiệu Dell Latitude E6540/i5 màu xám bạc có trị giá 7.900.000 đồng, chiếm đoạt của anh Nguyễn Hồng Q 01 chiếc Laptop nhãn hiệu HP Pavilion Notbook màu đỏ trị giá 2.500.000 đồng và 01 balo đựng máy tính có giá trị 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt được định giá là 10.600.000 đồng.

Khoảng 22 giờ ngày 14/4/2022, tại cửa số nhà 186 T, T, T, Hà Nội, Trần Trọng T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Trần Minh Q 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Apha BKS: 90B3-498.38 có giá trị được định giá là 20.264.900 đồng.

Hành vi của Trần Trọng T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 điều 173, khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo T khẩn thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Gia đình bị cáo đã hỗ trợ bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo tự giác ra đầu thú, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Trách nhiệm hình sự và hình phạt: Bị cáo T, sinh năm 2000, trình độ văn hóa 12/12, như vậy, bị cáo đã có đủ năng lực, nhận thức để biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do lười lao động, muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính, sự xuống cấp về đạo đức, tư cách, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, lòng tin của bạn học để chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện liên tục với lỗi chủ quan, cố ý, mục đích thu lợi thể hiện ý thức coi thường pháp luật, xâm hại tài sản công dân và trật tự an toàn xã hội. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt

tương đối lớn. Do vậy, căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đáp ứng công tác răn đe phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét đến bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Hạn tù của bị cáo kể từ ngày bắt khẩn cấp. Xét bị cáo hiện đang tạm giam, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 173, khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[5] Tang vật vụ án và án phí:

Người bị hại, người liên quan đã nhận lại tài sản, nhận tiền bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xét.

Đối với số tiền gia đình bị cáo tự nguyện hỗ trợ bị cáo để khắc phục hậu quả, không yêu cầu bị cáo hoàn trả nên không xét.

Đối với chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Trung T đã nhận đủ tiền cầm cố tài sản và không có yêu cầu gì nên không xét. Việc cầm cố tài sản của chị N và anh T chưa đủ yếu tố cấu T tội tiêu thụ tài sản phạm tội nên không xét.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Trọng T – sinh năm 2000

Phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 55; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Trọng T 10 (mười) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 14 (mười bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 24 (hai bốn) tháng tù. Hạn tù kể từ ngày bắt khẩn cấp: 17/4/2022.

Căn cứ: Điều 136; điều 331; điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 21; điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14.

Dân sự, vật chứng: không.

Bị cáo Trần Trọng T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận bản án:
- Bị cáo; người bị hại; người liên quan
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Hà Nội + VKSND T;
- Sở Tư pháp HN;
- Trại tạm giam số 2 CAHN
- Công an huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- UBND xã An Ninh, Bình Lục, Hà Nam;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hải